ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 365 /BC-UBND	*Thường Tín, ngày 11 tháng 7 năm 2023*

BÁO CÁO
Thuyết minh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2023

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

Tổng thu NSNN 6 tháng đầu năm 2023 thực hiện 745.376 triệu đồng, đạt 64,45% dự toán giao và tăng 71,44% so cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì thu NSNN 6 tháng đầu năm 2023 thực hiện 250.288 triệu đồng đạt 54,82% dự toán, tăng 3,86% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh: 102.805 triệu đồng, thu lệ phí trước bạ: 46.621 triệu đồng, thuế thu nhập cá nhân: 23.153 triệu đồng, thu tiền thuê mặt đất mặt nước: 14.509 triệu đồng, thu tiền sử dụng đất: 495.088 triệu đồng… Chi tiết như sau:

1. Thu thuế CTN ngoài quốc doanh:

Thực hiện: 102.805 triệu đồng đạt 46,46% dự toán giao và tăng 0,33% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó thu chủ yếu là thuế giá trị gia tăng thực hiện: 63.203 triệu đồng đạt 33,80% dự toán giao; thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện: 39.458 triệu đồng đạt 116,05% dự toán giao.

2.Thu lệ phí trước bạ:

Thực hiện: 46.621 triệu đồng, đạt 44,74% dự toán giao và bằng 94,78% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó thu lệ phí trước bạ nhà đất: 3.867 triệu đồng đạt 64,45% dự toán giao; lệ phí trước bạ xe máy, ô tô: 42.754 triệu đồng đạt 43,54% dự toán giao.

3. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

Thực hiện: 1.482 triệu đồng, đạt 23,52% dự toán giao và bằng 49,66% so với cùng kỳ năm 2022.

4.Thu phí, lệ phí:

Thực hiện: 22.260 triệu đồng (Trong đó: thu phí, lệ phí trung ương và thành phố hưởng 100% là 16.363 triệu đồng, huyện hưởng 100% là 5.897 triệu đồng), đạt 59,49% dự toán giao và bằng 99,75% so với cùng kỳ năm 2022.

5. Thu tiền sử dụng đất:

Thực hiện: 511.079 triệu đồng, đạt 68,85 % dự toán giao và tăng 131,47% so với cùng kỳ năm 2022.

6. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước:

Thực hiện: 14.509 triệu đồng, đạt 40,30% dự toán giao và bằng 60,39% so với cùng kỳ năm 2022.

7. Thuế thu nhập cá nhân:

Thực hiện: 23.153 triệu đồng, đạt 66,72 % so dự toán giao và bằng 83,65% so với cùng kỳ năm 2022.

8. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản

Thực hiện: 2.067 triệu đồng, đạt 37,58% dự toán giao và bằng 19,76% so với cùng kỳ năm 2022.

9. Thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất

Thực hiện: 14.417 triệu đồng, đạt 720,85% dự toán giao và tăng 518,49% so với cùng kỳ năm 2022.

10. Thu khác:

Thực hiện: 22.971 triệu đồng, đạt 144,47% dự toán giao và tăng 67,92% so với cùng kỳ năm 2022.

II. TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN

Tổng chi ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2023 thực hiện 1.687.620 triệu đồng đạt 42,32% dự toán giao đầu năm, tăng 53,70% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ khoản chi chuyển giao ngân sách bổ sung cho ngân sách cấp xã thì tổng chi ngân sách huyện là 1.512.672 triệu đồng đạt 40,16% dự toán giao, tăng 58,32% so cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách

Tổng chi cân đối ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2023 thực hiện: 1.436.084 triệu đồng, đạt 45,41% dự toán giao và tăng 54,73% so cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- Chi đầu tư XDCB: thực hiện 926.698 triệu đồng đạt 45,71% dự toán giao và tăng 107,83% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên thực hiện 509.386 triệu đồng đạt 46,00% dự toán giao và tăng 5,63% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó một số chỉ tiêu có số chi lớn như: chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề thực hiện 231.698 triệu đồng chiếm 45,49%; chi sự nghiệp đảm bảo xã hội thực hiện 89.825 triệu đồng chiếm 17,63%; chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể thực hiện 117.944 triệu đồng chiếm 23,15%; chi bảo vệ môi trường 14.457 triệu đồng chiếm 2,90%...

2. Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách thành phố cấp

Tổng chi từ nguồn bổ sung mục tiêu ngân sách thành phố cấp 6 tháng đầu năm 2023 thực hiện: 76.587 triệu đồng đạt 8,15% dự toán giao và tăng 180,18% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư XDCB: 60.863 triệu đồng đạt 20,64% dự toán giao
- Chi thường xuyên: thực hiện 15.724 triệu đồng đạt 30,95% dự toán giao.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tổng hợp tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 của huyện Thường Tín./.

Nơi nhận:
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính – KH;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Minh

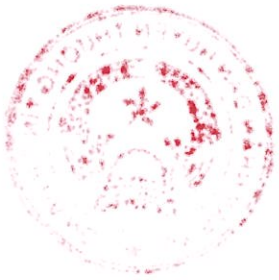

UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 365 /BC-UBND ngày 11 /7/2023 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**1.156.600**	**1.718.101**	**148,55**	**183,57**
I	**Thu cân đối NSNN**	**1.156.600**	**745.376**	**64,45**	**171,44**
1	Thu nội địa	1.156.600	745.376	64,45	171,44
2	Thu viện trợ				
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**972.725**		
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**2.379.070**	**1.512.672**	**63,58**	**158,32**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**2.043.803**	**1.436.084**	**70,27**	**154,73**
1	Chi đầu tư phát triển	954.612	926.698	97,08	207,83
2	Chi thường xuyên	1.048.315	509.386	48,59	105,63
3	Dự phòng ngân sách	40.876	-		
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**	**335.267**	**76.587**	**22,84**	**280,18**

UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN **Biểu số 94/CK-NSNN**

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 365 /BC-UBND ngày 11 /7/2023 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**1.156.600**	**745.376**	**64,45**	**171,44**
I	**Thu nội địa**	**1.156.600**	**745.376**	**64,45**	**171,44**
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	221.300	102.805	46,46	100,33
2	Thuế thu nhập cá nhân	34.700	23.153	66,72	83,65
3	Thuế bảo vệ môi trường		3		
4	Lệ phí trước bạ	104.200	46.621	44,74	94,78
	- Trước bạ nhà đất	6.000	3.867	64,45	77,22
	- Trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền	98.200	42.754	43,54	96,77
5	Thu phí, lệ phí	30.700	22.260	72,51	131,75
	Trung ương, TP hưởng 100%	23.800	16.363	68,75	144,98
	Huyện hưởng 100%	6.900	5.897	85,46	105,13
6	Các khoản thu về nhà, đất	742.300	511.079	68,85	231,47
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*				
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	6.300	1.482	23,52	49,66
-	*Thu tiền sử dụng đất*	700.000	495.088	70,73	255,48
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	36.000	14.509	40,30	60,39
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*				
7	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
8	Thu khác ngân sách	15.900	22.971	144,47	167,92
	Trung ương, TP hưởng 100%	10.000	19.863	198,63	173,40
	Huyện hưởng 100%	5.900	3.108	52,68	139,69
9	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5.500	2.067	37,58	119,76
10	Thu tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất	2.000	14.417	720,85	618,49
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**948.924**	**622.294**	**65,58**	**234,46**

UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN **Biểu số 95/CK-NSNN**

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 365 /BC-UBND ngày 11 /7/2023 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý II/2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1		3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**2.580.504**	**1.678.620**	**42,32**	**153,70**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**2.043.803**	**1.436.084**	**45,41**	**154,73**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**954.612**	**926.698**	**46,71**	**207,83**
1	Chi đầu tư cho các dự án	954.612	926.698	46,71	**207,83**
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-		
II	**Chi thường xuyên**	**1.048.315**	**509.386**	**46,00**	**105,63**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	487.428	231.698	45,18	**105,21**
2	Chi khoa học và công nghệ	-			
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.588	8.201	947,98	54,47
4	Chi văn hóa thông tin	12.873	4.290	25,54	130,47
5	Chi phát thanh, truyền hình	2.151	694	18,08	178,41
6	Chi thể dục thể thao	2.315	965	18,57	224,49
7	Chi bảo vệ môi trường	27.766	14.457	50,52	103,08
8	Chi hoạt động kinh tế	23.847	13.997	23,79	246,72
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	250.183	117.944	41,64	113,22
10	Chi bảo đảm xã hội	179.362	89.825	52,14	96,04
11	Chi Quốc phòng	27.264	14.758	64,23	84,28
12	Chi an ninh	17.378	9.938	36,22	157,87
13	Chi ngân sách khác	16.160	2.620	10,10	160,54
III	**Dự phòng ngân sách**	**40.876**			
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	-			
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**335.267**	**76.587**	**8,15**	280,18
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	85.000			
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	209.900	60.863	9,69	299,21
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	40.367	15.724	17,33	224,82
C	**CHI CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH**	**201.434**	**165.949**	**67,84**	121,43
1	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	201.434	165.949	67,84	121,43
	Bổ sung cân đối	*198.534*	*95.714*	43,16	111,70
	Bổ sung có mục tiêu	*2.900*	*70.235*		137,79
2	Chi nộp ngân sách cấp trên				